

Số: 42/2024/QĐST-HNGĐ

VB, ngày 22 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T ẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ T ẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T ; nơi cư trú: Thôn BB, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Thế A ; nơi cư trú: Thôn BB, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc T ận tình ly hôn và thoả T ận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T ận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự T ận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thế A

2. Công nhận sự thoả T ận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thế A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thế A có 02 con chung là Phạm Viết Đăng K, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Phạm Viết Minh K, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2021. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận: Anh Phạm Thế A trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Viết Minh Khang, sinh ngày 30-6-2021 với mức 5.000.000 đồng

(Năm triệu đồng)/ 01 (một) tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Viết Đăng Khoa anh chị không yêu cầu giải quyết, Tòa án không xét. Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thế A không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T nhận nộp cả 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0009353 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện VB;
- Chi cục THADS huyện VB;
- UBND xã HB, huyện VB (GCNKH số 15/2019 ngày 05-3-2019);
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thương Huyền